

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 08 -01-2024

V/v: *Ly hôn*.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOA LƯ, TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Đào Thị Huệ.

- Các Hội thẩm nhân;

Ông Nguyễn Văn Khuyến

Bà Lê Thị Lý.

Thư ký phiên tòa: bà Giang Thị Mến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: bà Vũ Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình xét xử công khai, sơ thẩm vụ án Dân sự thụ lý số 93/2023/TLST - HNGĐ ngày 03/10/2023, về “*Ly hôn*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2023/QĐXX-ST ngày 15/12/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐST-HNGĐ ngày 03/01/2024 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** chị Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1974.

Nơi cư trú: thôn Đ, xã T, huyện H, tỉnh Ninh Bình.

***Bị đơn:** anh Đỗ Chí T, sinh năm 1973.

Nơi cư trú: thôn B, xã T, huyện H, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa có mặt chị T; vắng mặt anh T

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/7/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Kim T trình bày:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Đỗ Chí T chung sống từ năm 1995 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Trường Yên. Sau khi cưới vợ chồng sống tại thôn B, xã T, huyện H, tỉnh Ninh Bình. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận bình thường như bao gia đình khác. Đến khoảng năm 2000 thì vợ chồng anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn một phần do tính tình anh chị không

hợp nhau, mặt khác do anh T mặc dù đã có gia đình nhưng không tu trí làm ăn mà xa vào tên nạn xã hội (tệ nạn ma túy), sau khi biết anh T sử dụng ma túy chị và gia đình đã rất nhiều lần khuyên bảo anh T từ bỏ ma túy để không làm ảnh hưởng đến gia đình và các con nhưng anh T vẫn chứng nào tật ấy không hề thay đổi nên vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng mặc dù không cãi chửi nhau nhưng giữa anh chị đã không còn sự yêu thương, chia sẻ, tôn trọng lẫn nhau, vợ chồng chung sống không còn hạnh phúc nên năm 2014 anh T đã tự ý ra ngoài sinh sống. Đến năm 2016 anh T đã làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn nhưng sau đó được Tòa án hòa giải nên anh T lại rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên, vợ chồng vẫn không về chung sống với nhau mà chính thức ly thân từ năm 2014 cho đến nay không ai quan tâm đến ai.

Quan điểm của nguyên đơn: chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng ly thân đã lâu để ổn định cuộc sống chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư giải quyết giải quyết cho chị ly hôn với anh Đỗ Chí T.

1.2. Về con chung: anh chị có 02 con chung là cháu Đỗ Thị Phương T, sinh năm 1996 và cháu Đỗ Tú T, sinh năm 2000. Hiện các cháu đã đủ 18 tuổi, có công việc và có cuộc sống riêng, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.3 Về tài sản công nợ chung: chị xác định không có, không đề nghị tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh Đỗ Chí Thanh trình bày như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: anh xác nhận việc kết hôn, quá trình chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đúng như chị Nguyễn Thị Kim T vừa trình bày. Anh chị kết hôn năm 1995 chung sống đến 2014 thì sống ly thân, anh T cũng xác định lỗi là do anh nghiện ma túy mới dẫn đến việc vợ chồng mâu thuẫn và sống ly thân. Năm 2016 anh đã nộp đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn nhưng sau đó vì nghĩ đến các con nên anh lại rút đơn về nhưng anh chị vẫn sống thân cho tới nay. Tuy nhiên, anh T không đồng ý ly hôn vì anh muốn cùng chị T xây dựng gia đình cho con trai xong. Nhưng nếu chị T kiên quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý.

2.2. Về con chung: anh chị có 02 con chung như chị T trình bày vì các cháu đã đủ 18 tuổi nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

2.3 Về tài sản, công nợ chung: anh chị không có nên không đề nghị tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên:

* Về thủ tục tố tụng:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng đầy đủ các quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Về nội dung giải quyết vụ án:

Căn cứ: Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/UBTCQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTW Quốc hội quy định về án phí.

Chấp nhận yêu khởi kiện của nguyên đơn. Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị Kim T và anh Đỗ Chí T

Về án phí: chị Nguyễn Thị Kim T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra lại tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn Đỗ Chí T có nơi cư trú tại thôn B, xã T, huyện H, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư thụ lý vụ án là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3]. Về sự vắng mặt của bị đơn: Tại đơn đề nghị đề ngày 5 tháng 01 năm 2024, bị đơn anh Đỗ Chí T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: anh Đỗ Chí T và chị Nguyễn Thị Kim T tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị xã T, huyện H, tỉnh Ninh Bình cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 28/8/1995 nên hôn nhân của chị Tuyến anh, Thanh được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng anh T chị T hạnh phúc được đến khoảng năm 2000 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do anh T không tu chí làm ăn và nghiện ma túy. Chị T và gia đình đã khuyên can anh T nhưng anh không thay đổi dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Cũng chính nguyên nhân này mà từ năm

2014 vợ chồng anh chị T sống ly thân cho đến nay, không ai quan tâm đến ai về mọi mặt. Đến năm 2016 anh Thanh đã nộp đơn yêu cầu tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T nhưng được Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư hòa giải nên anh T rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên, vợ chồng vẫn không cải thiện về tình cảm, vẫn không ai quan tâm đến ai. Điều này, được thể hiện tại lời khai của anh T, chị T cũng như biên bản xác minh ngày 06/12/2023 của Tòa án tại UBND xã Trường Yên, huyện Hoa Lư. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị T, anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận

[2.2] Về con chung: anh chị xác định có 02 con chung nhưng các cháu đều đã đủ 18 tuổi, anh chị không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[2.3] Về tài sản, công nợ chung: anh T, chị T không đề nghị Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: chị T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 5, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, 266, 271 và khoản 1 điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTCQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về án phí.

1. **Về hôn nhân:** Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị Kim T và anh Đỗ Chí T.

2. **Về án phí:** chị Nguyễn Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0002346 ngày 03/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoa Lư.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện Hoa Lư;
- UBND xã Trường Yên;
- THADS huyện Hoa Lư;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM.
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa.**

Đã Ký

Đào Thị Huệ.